

PHÁT HUY BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG BỐI CẢNH HỘI NHẬP SỐ: GÓC NHÌN TỪ VIỆT NAM

VŨ TUẤN HƯNG*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, Việt Nam cũng không nằm ngoài dòng chảy của tiến trình hội nhập số. Chuyển đổi số mở ra nhiều cơ hội phát triển, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Làm thế nào để bản sắc của một dân tộc không bị hòa tan giữa dòng chảy toàn cầu, mà ngược lại, trở thành điểm tựa và động lực trong thời đại số? Bài viết trình bày một số vấn đề mang tính lý luận nhằm bước đầu trả lời cho câu hỏi cấp thiết này qua góc nhìn từ Việt Nam.

Từ khóa: bản sắc dân tộc, bối cảnh hội nhập số, phát huy bản sắc dân tộc, Việt Nam

Nhận bài ngày: 27/10/2025; *đưa vào biên tập:* 28/10/2025; *phản biện:* 06/11/2025; *duyet đăng:* 29/11/2025

1. DẪN NHẬP

Bản sắc dân tộc được xem là “linh hồn” của mỗi dân tộc. Trong xu hướng toàn cầu hóa và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ, quá trình hội nhập số mở ra nhiều cơ hội phát triển cho các quốc gia, vùng lãnh thổ, nhưng đồng thời cũng đặt ra không ít thách thức đối với việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Việc bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc không chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội để các quốc gia dân tộc khẳng định vị thế trên trường quốc tế.

Với Việt Nam, một quốc gia có lịch sử hình thành và phát triển lâu đời, bản sắc dân tộc là cốt lõi để giữ gìn bản lĩnh văn hóa Việt Nam giữa một thế giới đa dạng, nhiều cạnh tranh. Trong môi trường chuyển đổi số và không ngừng hội nhập số, bản sắc dân tộc của Việt Nam có thể giúp gia tăng nội lực phát triển đất nước thông qua các ngành công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa; nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ, tạo nền tảng đạo đức, lối sống và nhân cách trong xã hội số và tạo giá trị mới của hồn cốt dân tộc, đất nước trong kỷ nguyên số. Tuy nhiên, quá trình hội nhập số trong bối cảnh toàn cầu hóa cũng đặt ra không ít thách

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

thức cho việc duy trì bản sắc dân tộc của Việt Nam như nguy cơ đồng hóa văn hóa, lối sống lai tạp, hay sự lấn át của các giá trị ngoại lai khiến một bộ phận giới trẻ dần xa rời truyền thống. Do đó, phát huy bản sắc dân tộc trong hội nhập số không chỉ là bài toán gìn giữ, mà còn là quá trình làm mới và thích ứng linh hoạt với thời đại, nhằm tạo nên bản sắc số Việt Nam vừa đậm đà truyền thống, vừa hiện đại và hội nhập.

Khái quát về thực tiễn và lý luận, bài viết tiếp cận từ góc nhìn Việt Nam, một quốc gia đang phát triển, phân tích một số cơ hội và thách thức trong vấn đề gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập số hiện nay.

2. BẢN SẮC DÂN TỘC VÀ VAI TRÒ CỦA BẢN SẮC DÂN TỘC TRONG HỘI NHẬP

2.1. Bản sắc dân tộc trong hội nhập

- Bản sắc dân tộc

Bản sắc vốn là một từ Hán Việt. Bản nghĩa là của chính mình, sắc nghĩa là dung mạo. Mở rộng hơn, chúng ta có thể hiểu bản sắc là nét đẹp vốn có của mình. Theo Từ điển mở của Hồ Ngọc Đức, bản sắc cũng có nghĩa tương tự, là tính chất đặc biệt vốn có, tạo thành phẩm cách riêng (Nguyễn Hương, 2023).

Dân tộc có thể tiếp cận ở nhiều phạm vi khác nhau. Theo góc độ hẹp, dân tộc là cộng đồng người có mối liên hệ khăng khít, có chung ý thức tộc người và tự giác ngộ, có nét văn hóa riêng biệt và có ngôn ngữ riêng, cách hiểu hẹp này cho thấy dân tộc gắn với các tộc người, dân tộc như một bộ phận của một quốc gia đa dân tộc như ở Việt Nam có tới 54 dân tộc, trong đó có những dân tộc như:

Kinh, Thái, Nùng,... Theo nghĩa rộng, dân tộc là tên chỉ cộng đồng người hình thành và phát triển trong lịch sử, sau khi xã hội đã có sự phân chia giai cấp và xuất hiện nhà nước (Phạm Huy Châu, 2018). Cách tiếp cận này cho thấy, dân tộc có thể được hiểu là cộng đồng quốc gia đa dân tộc. Theo Vương Xuân Tình (2020: 2): “Quốc gia - dân tộc là siêu cộng đồng, được hình thành và phát triển trên cơ sở của nhiều nhóm cư dân chung lãnh thổ; có sự thống nhất về hệ thống chính trị, kinh tế, xã hội; sử dụng chung một ngôn ngữ; chia sẻ những giá trị chung về văn hóa và được sự quản trị của một nhà nước”. Trong phạm vi bài viết này, cách tiếp cận dân tộc theo nghĩa rộng gắn với cộng đồng quốc gia đa dân tộc. Mỗi quốc gia đều có lịch sử hình thành, phát triển với những điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau tạo nên những đặc điểm riêng biệt rõ nét, cái được gọi là bản sắc của dân tộc, quốc gia.

Bản sắc dân tộc là tổng thể những giá trị vật chất và tinh thần đặc trưng, tiêu biểu của một dân tộc, được hình thành và phát triển trong suốt quá trình lịch sử. Bản sắc dân tộc tạo nên sự khác biệt giữa dân tộc này với dân tộc khác và là yếu tố cốt lõi làm nên bản chất, tính cách và hồn cốt của một cộng đồng người. Hay từ góc độ xem xét khác, bản sắc dân tộc là tổng hòa những giá trị văn hóa truyền thống, bao gồm ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, nghệ thuật, văn học dân gian, trang phục, ẩm thực, v.v. Đây không chỉ là dấu ấn riêng biệt của mỗi dân tộc, mà còn là cội nguồn sức mạnh nội sinh, là nền tảng tinh thần vững chắc cho sự phát triển bền vững. Bản sắc dân tộc

không phải là cái bất biến, mà luôn có sự tiếp biến, phát triển qua các thời kỳ lịch sử – nhưng luôn giữ được cốt lõi riêng biệt, đặc trưng của dân tộc đó. Bản sắc dân tộc có nội hàm rộng hơn bản sắc văn hóa dân tộc, bởi bản sắc văn hóa dân tộc chỉ xem xét ở góc độ văn hóa.

Đối với Việt Nam, bản sắc dân tộc là kết tinh của hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, là sự giao thoa giữa nhiều nền văn hóa nhưng vẫn giữ được nét riêng biệt.

- Hội nhập số

Hội nhập là việc tham gia vào một cộng đồng để cùng hoạt động và phát triển với hệ sinh thái của cộng đồng. Phạm vi bài viết này, thuật ngữ “hội nhập” gắn với quá trình liên kết, gắn kết giữa các chủ thể quốc gia dân tộc và hội nhập theo cách hiểu này sẽ gắn với hội nhập quốc tế. Trong hội nhập, chủ thể tham gia vào các tổ chức, thiết chế, cơ chế, hoạt động hợp tác quốc tế. Mục đích của hội nhập là tạo cho mỗi chủ thể đó cơ hội phát triển bản thân, từ đó tạo thành sức mạnh tập thể giải quyết những vấn đề chung mà các bên cùng quan tâm, bao gồm mọi lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội (Tô Thị Phương Dung, 2022). Trong thế giới phẳng ngày nay, quá trình các quốc gia, vùng lãnh thổ và khu vực có nhu cầu trao đổi, hợp tác lẫn nhau đã trở thành một xu hướng tất yếu. Ở Việt Nam việc hội nhập quốc tế được Đảng, Nhà nước xác định là một nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng để giúp huy động nguồn lực phát triển đất nước nhanh, bền vững hơn. Điều này được thể hiện trong Nghị quyết 59-NQ/TW năm 2025 về hội nhập

quốc tế trong tình hình mới. Nghị quyết đã chỉ ra các mục tiêu, nội dung và định hướng cho sự phát triển của hội nhập quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh mới khi Việt Nam bước vào kỷ nguyên phát triển trên vị thế mới.

Hội nhập số là quá trình các quốc gia, tổ chức và cá nhân hòa mình vào không gian kỹ thuật số toàn cầu thông qua công nghệ thông tin, internet, trí tuệ nhân tạo (AI), mạng xã hội, dữ liệu lớn (big data), v.v. nhằm kết nối, chia sẻ và khai thác các nguồn lực, cơ hội từ thế giới số, cũng như tuân thủ các quy tắc và nguyên tắc được thiết lập trong môi trường kỹ thuật số đó để phát triển. Với tiếp cận này, cho thấy, hội nhập số là sự liên kết, gắn kết các chủ thể (quốc gia, doanh nghiệp, cá nhân) vào một hệ thống chung dựa trên công nghệ kỹ thuật số. Số hóa và quá trình chuyển đổi số là mục tiêu, nội dung đồng thời là phương thức của hoạt động hội nhập này.

- Bản sắc dân tộc trong hội nhập số

Như đã phân tích ở trên, hội nhập số là xu thế tất yếu trong thời đại 4.0, với sự lan tỏa nhanh chóng của internet, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, thực tế ảo. Không gian số mở rộng không biên giới mang lại nhiều cơ hội giao lưu, hợp tác, sáng tạo, nhưng cũng đi kèm nguy cơ “hòa tan văn hóa”, ảnh hưởng đến bản sắc truyền thống. Tiếp cận này cho thấy, bản sắc dân tộc trong hội nhập số chính là: Khả năng giữ gìn, phát huy và lan tỏa những giá trị đặc trưng của dân tộc thông qua các nền tảng số, đồng thời biết tiếp thu có chọn lọc những giá trị văn hóa mới, hiện đại từ thế giới.

Trong thực tiễn, những biểu hiện của bản sắc dân tộc trong hội nhập số được thể hiện rất sinh động và cụ thể trong từng lĩnh vực như: Quảng bá văn hóa, du lịch, ẩm thực dân tộc qua mạng xã hội, website, ứng dụng di động...; sáng tạo nội dung số mang màu sắc văn hóa dân tộc (phim ảnh, âm nhạc, thời trang, trò chơi...); bảo tồn ngôn ngữ dân tộc trên nền tảng công nghệ (ứng dụng dịch thuật, học ngôn ngữ...); Ứng dụng công nghệ số vào việc bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể; đưa bản sắc dân tộc vào giáo dục trực tuyến, học liệu số.

2.2. Vai trò của bản sắc dân tộc trong hội nhập số

Trong thời đại công nghệ 4.0 và toàn cầu hóa hiện nay, thế giới đang bước vào một giai đoạn hội nhập số sâu rộng, nơi mà thông tin, hình ảnh, văn hóa được lan truyền mạnh mẽ qua không gian mạng. Bối cảnh đó, bản sắc dân tộc – chính là “căn cước văn hóa” của mỗi quốc gia – đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ là nền tảng để giữ gìn giá trị truyền thống, mà còn là yếu tố để khẳng định vị thế và bản lĩnh của dân tộc trong dòng chảy toàn cầu. Vai trò của bản sắc dân tộc trong hội nhập số được thể hiện trong từng lĩnh vực, hoạt động cụ thể như:

Thứ nhất, trong việc giữ gìn bản sắc, giữ gìn cội nguồn dân tộc: Bản sắc dân tộc là kết tinh của lịch sử, văn hóa, truyền thống và tâm hồn của một cộng đồng người qua hàng nghìn năm. Trong hội nhập số, nơi các luồng văn hóa ngoại lai dễ dàng xâm nhập qua phim ảnh, âm nhạc, mạng xã hội, nếu không có bản sắc làm “màng lọc”, một dân tộc rất dễ bị hòa tan và đánh mất mình. Vì

vậy, bản sắc đóng vai trò là “lá chắn tinh thần”, giúp mỗi cá nhân và cộng đồng giữ được gốc rễ văn hóa của mình giữa muôn vàn ảnh hưởng từ bên ngoài.

Thứ hai, trong việc khẳng định bản lĩnh và vị thế quốc gia: Trong thế giới số, mọi quốc gia đều có cơ hội thể hiện bản sắc của mình trên các nền tảng toàn cầu như YouTube, TikTok, Instagram, Netflix... Những yếu tố văn hóa đặc trưng như ẩm thực, trang phục, âm nhạc, lễ hội... khi được số hóa và lan tỏa đúng cách sẽ trở thành sức mạnh mềm, góp phần nâng cao hình ảnh quốc gia. Ví dụ, làn sóng Hallyu (Hàn Quốc) hay sự lan tỏa của văn hóa Nhật Bản đã chứng minh vai trò chiến lược của bản sắc dân tộc trong phát triển kinh tế - văn hóa thời đại số.

Thứ ba, trong việc tạo bản lĩnh chọn lọc trong tiếp nhận văn hóa mới: Hội nhập số không chỉ là tiếp thu công nghệ mà còn là tiếp xúc với nhiều giá trị văn hóa khác nhau. Khi bản sắc dân tộc được vun đắp vững chắc, con người sẽ có bản lĩnh để tiếp nhận có chọn lọc, tránh mù quáng chạy theo trào lưu hay “Tây hóa”, “lai căng”. Nhờ đó, sự tiếp biến văn hóa trở nên lành mạnh, góp phần làm giàu thêm bản sắc mà không làm mất đi bản chất.

Thứ tư, trong việc thúc đẩy sáng tạo nội dung số mang đậm dấu ấn dân tộc: Bản sắc dân tộc là nguồn cảm hứng bất tận cho giới sáng tạo nội dung số: từ phim ảnh, nhạc số, thiết kế game, thời trang, đến quảng bá du lịch. Những sản phẩm số mang màu sắc văn hóa dân tộc sẽ có giá trị riêng biệt, khó bị thay thế, và dễ ghi dấu trong lòng bạn bè quốc tế. Đây cũng là cơ hội để kinh tế sáng tạo

của quốc gia phát triển bền vững trên nền tảng văn hóa bản địa.

Thứ năm, trong quá trình hội nhập hiệu quả, lan tỏa mạnh mẽ và góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam nhanh hơn trên trường quốc tế: Qua số hóa, giúp việc tiếp cận và lan tỏa nhanh chóng công nghiệp văn hóa, giá trị chuẩn mực của dân tộc Việt đối với bạn bè quốc tế, thể hiện việc hiệu quả, nhanh chóng đối với các chủ thể tham gia và tương tác, tạo động lực phát triển cho quốc gia, dân tộc Việt Nam trong bối cảnh kỷ nguyên mới.

3. BẢN SẮC DÂN TỘC: CƠ HỘI VÀ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆT NAM TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Bản sắc dân tộc là “linh hồn” của mỗi dân tộc. Trong thời đại hội nhập số, việc bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc không chỉ là trách nhiệm mà còn là cơ hội để khẳng định vị thế dân tộc trên trường quốc tế. Bản sắc dân tộc là cốt lõi để giữ gìn bản lĩnh văn hóa Việt Nam giữa một thế giới đa dạng, nhiều cạnh tranh. Việc phát huy bản sắc dân tộc trong môi trường số giúp: Thứ nhất, khẳng định giá trị văn hóa Việt trên trường quốc tế; Thứ hai, tăng nội lực phát triển công nghiệp sáng tạo, công nghiệp văn hóa; Thứ ba, nuôi dưỡng tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc cho thế hệ trẻ; Thứ tư, tạo nền tảng đạo đức, lối sống và nhân cách trong xã hội số; Thứ năm, tạo giá trị mới của hồn cốt dân tộc, đất nước trong kỷ nguyên số.

Trong bối cảnh hội nhập số ngày càng sâu rộng, bản sắc dân tộc Việt Nam không chỉ là nền tảng giữ gìn sự ổn định văn hóa xã hội, mà còn trở thành nguồn lực mềm góp phần nâng cao vị thế quốc

gia trên trường quốc tế. Những giá trị truyền thống như lòng yêu nước, tinh thần cộng đồng, sự tôn trọng cội nguồn và các di sản văn hóa dân gian đang được lan tỏa mạnh mẽ qua các nền tảng số, từ đó thúc đẩy giao lưu văn hóa mà không hòa tan. Hội nhập số tạo điều kiện để các sản phẩm văn hóa mang bản sắc Việt – như nhạc dân tộc, nghệ thuật truyền thống, ẩm thực, trang phục – được tiếp cận với công chúng toàn cầu thông qua mạng xã hội, thương mại điện tử, và các nền tảng số hóa dữ liệu văn hóa. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi, quá trình này cũng đặt ra không ít thách thức như nguy cơ đồng hóa văn hóa, lối sống lai tạp, hay sự lấn át của các giá trị ngoại lai khiến một bộ phận giới trẻ dần xa rời truyền thống. Do đó, phát huy bản sắc dân tộc trong hội nhập số không chỉ là bài toán gìn giữ, mà còn là quá trình làm mới và thích ứng linh hoạt với thời đại, nhằm tạo nên bản sắc số Việt Nam vừa đậm đà truyền thống, vừa hiện đại và hội nhập.

Thực tiễn cho thấy, quá trình hội nhập số hiện nay tác động nhiều chiều đến bản sắc dân tộc. Điều này thể hiện cả trên bình diện, khía cạnh tích cực và tiêu cực. Những tác động này tương tác, định hình và mang lại những giá trị nhất định cho Việt Nam trong bối cảnh mới hiện nay.

3.1. Cơ hội phát huy bản sắc dân tộc

Thứ nhất, quá trình số hóa và hội nhập số giúp quảng bá văn hóa nhanh chóng, rộng rãi: Nhờ Internet và các nền tảng số, các giá trị văn hóa Việt có thể lan tỏa đến toàn cầu, từ đó giúp nhân dân các quốc gia biết đến Việt Nam và văn

hóa Việt Nam. Đầu năm 2021, trong chiến dịch “Việt Nam: Đi để yêu!” trên YouTube, Tổng cục Du lịch Việt Nam phát hành các clip quảng bá du lịch - văn hóa với các phần như “Về với Ninh Bình” giới thiệu hình ảnh của Cố đô Hoa Lư, chùa Bái Đính, Tràng An,... Các clip này thu hút hàng triệu lượt xem. Clip quảng bá du lịch kết hợp văn hóa ẩm thực “Việt Nam – Điểm đến Văn hóa và Ẩm thực” đạt gần 1,1 triệu lượt xem trong chỉ hai tuần kể từ khi ra mắt (dẫn theo Hà My, 2021); hay chương trình “Đổi mới và bảo tồn di sản trong thế giới số” được triển khai để đưa di sản văn hóa tiếp cận gần hơn với thế hệ trẻ, khuyến khích người dùng sáng tạo nội dung về di sản, kết hợp công nghệ để “quốc tế hóa” di sản Việt Nam (dẫn theo Thùy Dương, 2025).

Thứ hai, số hóa di sản văn hóa: Giúp bảo tồn và phục hồi các giá trị truyền thống, đưa chúng đến gần hơn với thế hệ trẻ. Ví dụ như: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam có hợp tác quảng bá điện ảnh và văn hóa với Netflix. Việc phim và chương trình Việt Nam được đưa lên các nền tảng xem toàn cầu giúp văn hóa, câu chuyện Việt tiếp cận với khán giả quốc tế (dẫn theo Hồng Hà, 2022).

Thứ ba, tạo điều kiện giao lưu học hỏi quốc tế: Giúp tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại một cách có chọn lọc. Theo Báo cáo Digital 2024 của We Are Social: Việt Nam có 77,93 triệu người dùng Internet (chiếm 79,1% dân số). Thời gian sử dụng mạng xã hội trung bình của người Việt mỗi ngày: 2 giờ 28 phút. Người Việt truy cập nhiều nền tảng toàn cầu như YouTube (96,3%), Facebook

(90,5%), TikTok (76,5%), Instagram (65%),... (Datareportal, 2024). Với các cách thức quản lý khác nhau, quá trình này cũng giúp Việt Nam nhanh chóng tiếp cận tinh hoa nhân loại một cách thuận lợi và có chọn lọc. Bên cạnh đó, ẩm thực Việt Nam vươn ra thế giới qua mạng xã hội với nhiều đầu bếp và YouTuber Việt chia sẻ các món ăn truyền thống (phở, bánh mì, bún chả...) bằng tiếng Anh, giúp người nước ngoài hiểu rõ hơn về văn hóa ẩm thực Việt. Một dạng thức giao lưu văn hóa qua âm nhạc nhưng vẫn giữ bản sắc thể như các ca sĩ Việt Nam Hoàng Thùy Linh, Suboi đã kết hợp giữa yếu tố hiện đại (hip-hop, EDM) với chất liệu dân gian Việt như ca trù, chèo, thơ lục bát trong các sản phẩm âm nhạc quốc tế hóa.

3.2. Thách thức trong giữ gìn bản sắc dân tộc

Bên cạnh những tác động tích cực, có thể thấy một số tác động tiêu cực tạo thách thức cho Việt Nam giữ gìn bản sắc dân tộc trong quá trình hội nhập số như:

Thứ nhất, những nguy cơ ngôn ngữ bị “biến dạng” trong giới trẻ. Trên các nền tảng như TikTok, Facebook, Instagram, giới trẻ Việt thường sử dụng tiếng Anh thay cho tiếng Việt hoặc xen vào tiếng Việt như: “Chill”, “deadline dĩ”, “năng lượng tiêu cực quá, tôi out”,... Việc này dẫn tới sự nghèo nàn trong ngôn ngữ biểu đạt, sai chính tả tràn lan, và thiếu ý thức học tiếng Việt chuẩn mực. Hệ quả của việc này dẫn đến sự mai một tiếng Việt – một thành tố quan trọng của bản sắc dân tộc, giảm khả năng sử dụng tiếng Việt chính xác trong giao tiếp, học tập và công việc.

Thứ hai, những nguy cơ về thờ ơ với văn hóa truyền thống, lễ tết cổ truyền. Hiện nay, do hội nhập sâu rộng nhiều bạn trẻ chỉ chăm chú vào các trào lưu quốc tế như Giáng Sinh, Black Friday, Halloween nhưng lại thờ ơ với Tết cổ truyền. Có không ít người không biết ý nghĩa ngày Tết ông Công - ông Táo hay ít quan tâm đến phong tục gói bánh chưng, hái lộc, chúc Tết,... nhiều người coi Tết chỉ là “kỳ nghỉ xả hơi” chứ không còn ý nghĩa văn hóa. Hệ quả của việc này dẫn đến việc lễ Tết cổ truyền dần bị thương mại hóa hoặc mất đi ý nghĩa văn hóa - tâm linh sâu sắc của giá trị truyền thống và nét văn hóa đặc sắc kèm theo.

Thứ ba, những nguy cơ về sinh ngoại, sao chép mù quáng trào lưu văn hóa ngoại lai. Trên YouTube, TikTok xuất hiện nhiều trào lưu phản cảm bắt nguồn từ nước ngoài như: Thử thách ăn mặc hở hang, cosplay phản cảm, hoặc bắt chước nội dung bạo lực, kỳ dị. Một số YouTuber nổi tiếng từng nhại lại văn hóa phương Tây không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Hệ quả của việc này là làm biến dạng giá trị đạo đức truyền thống, gây phản cảm, ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em và thanh thiếu niên.

Thứ tư, nguy cơ về biểu tượng văn hóa Việt bị “Tây hóa”, thương mại hóa quá mức như: Một số sản phẩm thời trang hoặc quảng cáo sử dụng áo dài, khăn đóng, họa tiết trống đồng,... nhưng thiết kế hở hang, lai tạp, thiếu tôn trọng giá trị truyền thống. Các lễ hội Việt Nam được tổ chức theo kiểu phương Tây, mất đi bản sắc riêng biệt. Hệ quả của việc này là văn hóa truyền thống bị bóp

méo, mất đi sự linh thiêng, ý nghĩa gốc, dễ dẫn đến phản ứng từ cộng đồng và mất đi sự hấp dẫn trong mắt bạn bè quốc tế.

Thứ năm, nguy cơ văn hóa ứng xử xuống cấp do ảnh hưởng từ môi trường mạng. Có thể thấy nhiều người trẻ trao đổi trên mạng xã hội thiếu lễ phép, nói năng suồng sã, bình luận tiêu cực, sử dụng ảnh chế không phù hợp với giá trị truyền thống. Các kênh giải trí câu view bằng nội dung phản cảm, làm lệch lạc nhận thức giới trẻ về văn hóa ứng xử trong xã hội Việt. Hệ quả là giá trị đạo đức, lòng tôn trọng, văn hóa “kính trên nhường dưới” bị lu mờ.

Có thể thấy, bên cạnh những cơ hội phát huy, bản sắc dân tộc cũng gặp phải những nguy cơ, thách thức, thậm chí là những tác động tiêu cực của quá trình hội nhập số. Vì thế, cần có những định hướng, chính sách và chế tài phù hợp để quản lý hiệu quả bản sắc dân tộc trong môi trường hội nhập số ở Việt Nam hiện nay.

4. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Trong quá trình hội nhập số cho thấy cần hạn chế những tác động tiêu cực và thách thức, đồng thời chủ động tận dụng cơ hội, những điểm tích cực của quá trình này để đưa Việt Nam thực hiện thành công quá trình tạo giá trị và bản sắc dân tộc trong bối cảnh hội nhập số hiện nay. Để phát huy được các nội dung trên cần có một số nguyên tắc cơ bản về bản sắc dân tộc trong hội nhập nhất quán, có thể thấy như:

+ Khẳng định bản sắc chính là hồn cốt của dân tộc. Theo Nghị quyết 33-NQ/TW của Đảng về xây dựng và phát

triển văn hóa, con người Việt Nam. Trong bối cảnh số, bản sắc dân tộc cần được gìn giữ, bảo tồn và chuyển hóa linh hoạt trên không gian mạng, không để bị “hòa tan” bởi trào lưu toàn cầu.

+ Việt Nam coi trọng “hội nhập có chọn lọc”. Hội nhập số được Việt Nam nhìn nhận là cơ hội để quảng bá văn hóa ra thế giới, nhưng cần xác định tiêu chí rõ ràng: Tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại một cách có chọn lọc; loại bỏ những yếu tố độc hại, trái thuần phong mỹ tục; bảo vệ giá trị truyền thống trong môi trường số. Nguyễn Thị Minh Thái từng nhận định: “Cần một thể hệ công dân số biết tự hào về văn hóa dân tộc nhưng không cực đoan văn hóa; hội nhập toàn cầu mà vẫn giữ cốt cách Việt” (dẫn theo Nguyễn Sĩ Đại - Phan Thanh P, 2013).

Trên cơ sở các nguyên tắc này với các bối cảnh và xu hướng phát triển của Việt Nam hiện nay, cần có giải pháp để hạn chế những tác động tiêu cực, đồng thời phát huy tối đa mọi nguồn lực, cơ hội trong phát triển bản sắc dân tộc. Bài viết đưa ra một số nhóm giải pháp tham khảo như sau:

Thứ nhất, nhóm giải pháp về xây dựng hệ sinh thái văn hóa số của Việt Nam. Thực hiện đầu tư vào các nền tảng công nghệ phục vụ lưu trữ, phân phối và sáng tạo nội dung văn hóa (như thư viện số, bảo tàng số, nền tảng xuất bản số...); tạo điều kiện cho các doanh nghiệp công nghệ và sáng tạo nội dung phát triển sản phẩm văn hóa mang bản sắc Việt Nam. Từ đó tạo ra kết quả bước đầu gắn với một hệ thống văn hóa bản sắc, truyền thống của Việt Nam.

Thứ hai, cần thực hiện việc số hóa các di sản, bảo tồn đi đôi với sáng tạo. Để

thực hiện tốt nhóm giải pháp này, cần đẩy mạnh việc số hóa di sản văn hóa phi vật thể. Đồng thời, khuyến khích sáng tạo các sản phẩm truyền thông, giáo dục, giải trí từ chất liệu văn hóa dân tộc, ứng dụng công nghệ AR/VR vào du lịch văn hóa để nâng cao trải nghiệm, tạo các sản phẩm mới kết hợp truyền thống với hiện đại để thu hút giới trẻ, các sản phẩm văn hóa số mang bản sắc Việt: phim ảnh, âm nhạc dân gian kết hợp hiện đại, trò chơi điện tử truyền tải giá trị lịch sử.

Thứ ba, thực hiện các hoạt động giáo dục, đào tạo qua không gian số. Để thực hiện hiệu quả, cần tích hợp nội dung giáo dục văn hóa dân tộc trong chương trình học, đặc biệt trong môi trường học trực tuyến. Tổ chức các chiến dịch truyền thông số nhằm lan tỏa những giá trị truyền thống một cách sáng tạo, gần gũi với người trẻ. Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, việc đẩy mạnh giáo dục và đào tạo qua không gian số đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân lực và phát triển nguồn lực văn hóa - xã hội một cách toàn diện. Đây cũng là một phần thiết yếu trong xây dựng xã hội học tập và phát triển hệ sinh thái văn hóa số.

Thứ tư, cần có một cơ chế, chính sách hỗ trợ đồng bộ và toàn diện. Xây dựng khung pháp lý rõ ràng, phù hợp với thực tiễn chuyển đổi số và thực hiện ban hành các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn cụ thể về quản lý, khai thác, lưu trữ và phân phối nội dung văn hóa số. Điều chỉnh, cập nhật các quy định hiện hành để phù hợp với đặc điểm của môi trường số (ví dụ: bản quyền số,

kiểm duyệt nội dung số, an toàn dữ liệu...). Đồng thời, cần ban hành luật hoặc nghị định riêng về “Phát triển và quản lý văn hóa số”, trong đó quy định rõ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của các cá nhân, tổ chức tham gia vào sáng tạo, phân phối nội dung văn hóa trên nền tảng số. Trên cơ sở đó, cần thực hiện một số nội dung như:

+ Có chính sách đầu tư và hỗ trợ tài chính cho phát triển văn hóa số: Dành nguồn ngân sách nhà nước cho các dự án số hóa di sản văn hóa, xây dựng nền tảng công nghệ, sản xuất nội dung số. Hỗ trợ doanh nghiệp văn hóa sáng tạo khởi nghiệp trong lĩnh vực nội dung số, đặc biệt là các sản phẩm mang bản sắc dân tộc.

+ Tạo quỹ hỗ trợ “Khởi nghiệp sáng tạo nội dung số Việt Nam”, cung cấp vốn vay ưu đãi và hỗ trợ kỹ thuật cho người khởi nghiệp phát triển game, phim hoạt hình, nền tảng văn hóa dựa trên yếu tố truyền thống.

+ Chính sách khuyến khích hợp tác công - tư trong lĩnh vực văn hóa số: Xây dựng cơ chế hợp tác linh hoạt giữa Nhà nước với doanh nghiệp, tổ chức xã hội trong việc số hóa di sản, xây dựng nền tảng, triển khai chương trình giáo dục văn hóa số. Tạo điều kiện cho doanh nghiệp tư nhân tiếp cận, khai thác tài nguyên văn hóa công cộng để phát triển sản phẩm sáng tạo. Hợp tác giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các nền tảng công nghệ như Google, Meta, FPT để số hóa và quảng bá di sản văn hóa Việt Nam ra thế giới.

+ Chính sách đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho văn hóa số: Xây dựng các

chương trình đào tạo chuyên sâu về công nghệ số trong lĩnh vực văn hóa, như quản lý dữ liệu văn hóa, sáng tạo nội dung số, bảo tồn số di sản... Khuyến khích các trường đại học mở ngành mới liên quan đến văn hóa - công nghệ.

+ Chính sách hỗ trợ phổ cập tiếp cận văn hóa số cho người dân. Trợ cấp thiết bị, internet cho các nhóm yếu thế (học sinh nghèo, người dân vùng sâu, vùng xa) để tiếp cận với giáo dục và nội dung văn hóa số. Phát triển các nền tảng công cộng, miễn phí phục vụ tra cứu thông tin, học tập và giải trí lành mạnh.

Tóm lại, một cơ chế, chính sách hỗ trợ đồng bộ và toàn diện sẽ là “xương sống” để phát triển văn hóa số bền vững. Đây không chỉ là nhiệm vụ của riêng ngành văn hóa, mà cần sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều bộ, ngành, doanh nghiệp và toàn xã hội.

Thứ năm, hoàn thiện thể chế quản trị số phù hợp để tương tác, kiểm chế các nguy cơ và tác động tiêu cực. Để thực hiện việc này, cần xây dựng hành lang pháp lý bảo vệ bản sắc văn hóa trong môi trường số như: Ban hành các quy định pháp luật rõ ràng về việc bảo vệ, quảng bá và sử dụng các giá trị văn hóa, truyền thống dân tộc trên không gian mạng; thiết lập tiêu chuẩn nội dung số văn hóa (ví dụ: phim ảnh, âm nhạc, trò chơi điện tử) phù hợp với thuần phong mỹ tục và giá trị văn hóa Việt Nam; tăng cường cơ chế xử lý vi phạm đối với các hành vi xuyên tạc văn hóa, cổ súy lối sống lệch chuẩn trên môi trường số. Trên cơ sở cần thực hiện song hành các nội dung như:

+ Lồng ghép yếu tố bản sắc dân tộc trong chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Đảm bảo các chương trình số hóa (trong giáo dục, truyền thông, giải trí...) tích hợp các yếu tố bản sắc văn hóa dân tộc. Khuyến khích xây dựng các nền tảng nội dung số sử dụng tiếng Việt, phản ánh văn hóa Việt, do doanh nghiệp và cá nhân Việt Nam phát triển.

+ Tăng cường quản trị nội dung số trên các nền tảng xuyên biên giới. Đàm phán và thiết lập cơ chế hợp tác quốc tế với chủ nhân của nền tảng như Google, Facebook, TikTok để kiểm soát nội dung phản văn hóa, độc hại. Yêu cầu các nền tảng xuyên biên giới tuân thủ pháp luật Việt Nam về văn hóa và thông tin số.

+ Phát triển nguồn nhân lực quản trị số am hiểu văn hóa dân tộc. Đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về công nghệ số có nhận thức sâu sắc về bản sắc văn hóa và những nguy cơ xâm lấn văn hóa trong không gian mạng. Kết hợp chuyên môn công nghệ với tri thức nhân văn trong quá trình xây dựng, ban hành chính sách số.

+ Xây dựng hệ thống dữ liệu quốc gia về văn hóa. Số hóa di sản văn hóa phi vật thể, ngôn ngữ, văn học dân gian... nhằm lưu giữ và quảng bá qua các nền tảng số. Tạo kho dữ liệu mở về văn hóa dân tộc phục vụ cho giáo dục, truyền thông, du lịch và phát triển kinh tế sáng tạo.

Như vậy, việc hoàn thiện thể chế quản trị số không chỉ nhằm mục tiêu hiệu quả công nghệ mà còn phải đặt trong bối cảnh giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập số.

Việc xây dựng hành lang pháp lý phù hợp, kiểm soát nội dung hiệu quả, và phát triển các nền tảng văn hóa số là những trụ cột không thể thiếu.

Thứ sáu, cần xây dựng nền tảng cơ sở hạ tầng số phù hợp để tạo bản sắc dân tộc trong hội nhập số chủ động, bền vững. Thiết lập các cơ sở dữ liệu lớn (Big Data) về di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, ngôn ngữ, nghi lễ, tri thức bản địa của 54 dân tộc Việt Nam. Xây dựng nền tảng bảo tàng số, bản đồ số văn hóa, thư viện số truyền thống dân tộc để đưa kho tàng văn hóa lên mạng. Tận dụng AI, thực tế ảo (VR), thực tế tăng cường (AR) để số hóa, tái hiện các không gian văn hóa đặc sắc một cách sinh động. Bên cạnh đó, cần thực hiện song song các nội dung sau:

+ Phát triển nền tảng nội dung số quốc gia có tính “Việt”. Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ Việt Nam phát triển nền tảng nội dung số (mạng xã hội, video, game, học liệu số...) mang bản sắc văn hóa Việt. Hỗ trợ các nền tảng hiện có (như Zalo, Mocha, VTVGo,...) tích hợp nhiều nội dung văn hóa dân tộc – từ ẩm thực, trang phục, ngôn ngữ, nghệ thuật truyền thống đến truyện cổ tích, lịch sử. Bảo vệ không gian mạng nội địa trước sự lấn át của các nền tảng xuyên biên giới vốn ít tôn trọng văn hóa bản địa.

+ Tạo hệ sinh thái sáng tạo nội dung số dựa trên nền tảng hạ tầng vững mạnh. Hạ tầng số không chỉ phục vụ truy cập mà còn tạo điều kiện cho cộng đồng, nghệ nhân, nhà sáng tạo nội dung dễ dàng sản xuất, phân phối các sản phẩm văn hóa đặc trưng dân tộc. Xây dựng hệ sinh thái “digital creator” (sáng tạo kỹ

thuật số) mang bản sắc Việt, liên kết giữa công nghệ, truyền thông và văn hóa. Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực văn hóa số (ví dụ: game dân gian Việt, phim hoạt hình lịch sử, ứng dụng học tiếng dân tộc...).

+ Bảo đảm an ninh, chủ quyền số gắn với bảo vệ bản sắc dân tộc: Thiết lập các trung tâm dữ liệu quốc gia đặt tại Việt Nam, lưu trữ, thông tin bản sắc, tránh bị kiểm soát bởi bên ngoài. Áp dụng công nghệ Blockchain, AI để xác thực và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ với các sản phẩm văn hóa số.

Việc phát triển cơ sở hạ tầng số không thể chỉ dừng lại ở kết nối mạng, mà cần đi xa hơn: xây dựng các nền tảng, hệ sinh thái và hành lang kỹ thuật giúp cộng đồng dân tộc chủ động gìn giữ, phát huy và lan tỏa bản sắc văn hóa trong môi trường số. Đây là điều kiện cốt lõi để hội nhập số một cách chủ động, bình đẳng và bền vững.

Thứ bảy, tăng cường hợp tác khu vực và quốc tế để đẩy mạnh giao lưu văn hóa giữa các quốc gia chủ động, chính thống. Cần thiết lập các thể chế kết nối qua các thỏa thuận hợp tác song phương, đa phương tổng hợp hay chuyên sâu về văn hóa để tạo điều kiện tiếp cận và lan tỏa chủ động. Tổ chức các diễn đàn, hội chợ, sự kiện tuần lễ văn hóa quốc gia tại các quốc gia và ngược lại, các quốc gia tại Việt Nam trên tinh thần song song cả thực tại và số, kết hợp truyền thông mạnh mẽ đa phương tiện. Đối với 3 nước Việt Nam - Lào - Campuchia dựa trên mối quan hệ và hợp tác tốt đẹp, cần thiết lập các cơ chế chung với các dự án số hóa di sản văn hóa, tổ chức các hoạt động chia sẻ

kinh nghiệm bảo tồn, phát huy giá trị di sản của mỗi quốc gia, tổ chức các sự kiện văn hóa chung song song trên nền tảng thực và số phù hợp điều kiện và thời gian. Thực hiện các hoạt động, dự án quảng bá du lịch, phát huy giá trị văn hóa chung trên nền tảng số để thu hút tới khách du lịch các quốc gia trên thế giới, tạo các tour, tuyến trải nghiệm và quảng bá du lịch tạo hành trình di sản chung trên cơ sở phát huy thế mạnh của từng quốc gia.

5. KẾT LUẬN

Trong tiến trình hội nhập số và toàn cầu hóa, bản sắc dân tộc không chỉ là điều cần được bảo vệ, mà còn là lợi thế cạnh tranh nếu được khai thác đúng cách. Bản sắc dân tộc không đối lập với hội nhập mà là nền tảng để hội nhập bền vững. Trong thời đại số, nếu biết tận dụng công nghệ đúng cách, chúng ta có thể vừa giữ gìn, vừa lan tỏa giá trị truyền thống một cách sâu rộng.

Đối với Việt Nam, việc gìn giữ và phát huy bản sắc dân tộc trong môi trường số là yếu tố then chốt để đảm bảo phát triển bền vững – không chỉ về kinh tế mà cả về văn hóa, xã hội và con người. Chỉ khi gắn công nghệ với văn hóa, truyền thống với hiện đại, Việt Nam mới có thể vừa hội nhập thành công, vừa giữ được hồn cốt dân tộc. Việt Nam cùng các quốc gia cần đẩy mạnh đầu tư, đồng hành cùng nhau trong giữ gìn sự hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội - văn hóa, đặc biệt là trong không gian số.

Thực hiện được những nhóm giải pháp trên một cách đồng bộ sẽ chủ động trong việc hội nhập mạnh số với thế giới trên cơ sở song song bảo tồn hiệu quả

bản sắc dân tộc. Phương thức này sẽ giúp Việt Nam thực hiện thành công chiến lược phát triển trong kỷ nguyên mới của dân tộc Việt Nam, kỷ nguyên phát triển cường thịnh, vững bền, văn

minh, hiện đại. Đáp ứng tốt các kỳ vọng mà Tổng Bí thư Tô Lâm và Đảng, Nhà nước Việt Nam đã đặt ra trong quá trình hoạch định, đường lối phát triển của Việt Nam trong kỷ nguyên mới. □

GHI CHÚ

Bài viết có sử dụng một số thông tin, công cụ hỗ trợ AI Chatgpt – những thôn tin này xen kẽ trong một số phần nội dung, giải pháp và đã kiểm chứng, chuẩn hóa thông tin.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Ban Chấp hành Trung ương. 2014. *Nghị quyết 33-NQ/TW* Về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước. Hà Nội.
2. Bộ Chính trị. 2025. *Nghị quyết 59-NQ/TW* Về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Hà Nội.
3. Datareportal. 2024. “Digital Việt Nam 2024 – Báo cáo toàn diện về Digital 2024”. <https://skillking.fpt.edu.vn/tin-tuc/tinh-hinh-digital-viet-nam-2024/>, truy cập ngày 25/10/2025.
4. Hà My. 2021. “Chiến dịch quảng bá 'Việt Nam: Đi để yêu!' đạt hàng triệu lượt xem trên Youtube”. https://thethaovanhoa.vn/chien-dich-quang-ba-viet-nam-di-de-yeu-dat-hang-trieu-luot-xem-tren-youtube-20210706121052650.htm?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 25/10/2025.
5. Hồng Hà. 2022. Hợp tác quảng bá điện ảnh và văn hóa Việt Nam trên Netflix. https://bvhttdl.gov.vn/hop-tac-quang-ba-dien-anh-va-van-hoa-viet-nam-tren-netflix-20220105231346167.htm?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 25/10/2025.
6. Nguyễn Hương. 2023. “Bản sắc văn hóa dân tộc là gì? Tại sao cần gìn giữ và phát huy?”. <https://luatvietnam.vn/linh-vuc-khac/ban-sac-van-hoa-dan-toc-la-gi-883-95836-article.html>, truy cập ngày 26/10/2025.
7. Nguyễn Sĩ Đại - Phan Thanh P. 2013. “Gien Việt trong cuộc giao thoa văn hóa toàn cầu”. <https://nhandan.vn/gien-viet-trong-cuoc-giao-thoa-van-hoa-toan-cau-post569694.html>, truy cập ngày 26/10/2025.
8. Phạm Huy Châu. 2018. “Về khái niệm dân tộc và chủ nghĩa dân tộc”. <http://vanhoa nghean.com.vn/chi-tiet-tin-tuc/12419-ve-khai-niem-dan-toc-va-chu-nghia-dan-toc.html>, truy cập ngày 27/10/2025.
9. Thùy Dương. 2025. “Quảng bá mạnh mẽ di sản Việt Nam trên nền tảng số”. https://baophapluat.vn/quang-ba-manh-me-di-san-viet-nam-tren-nen-tang-so-post544159.html?utm_source=chatgpt.com, truy cập ngày 27/10/2025.
10. Tô Thị Phương Dung. 2022. “Hội nhập là gì? Vì sao phải hội nhập khu vực, hội nhập quốc tế?”. <https://luatminhkhue.vn/hoi-nhap-la-gi.aspx>, truy cập ngày 27/10/2025.
11. Vương Xuân Tình. 2020. *Tổng quan về vấn đề quốc gia - dân tộc*. Bài giảng.